

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Xơ
Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	811	221	156	235	199
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	756 93,21%	213 96,38%	152 97,43 %;	208 88,51 %;	183 91,95 %;
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	52 6,41%	7 3,15%	4 2,56%;	27 11,48 %;	14 7,03 %;
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	03 0,36%	1 0,45%	0	0	2 1,00
04	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	811	161	236	203	187
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	291 30,73%	74 33,48%	63 40,38%;	81 34,46%;	73 36,68 %;
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	283 38,96%	96 43,43%;	51 32,69%;	74 31,48%;	62 31,15%;
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	206 27,09%	44 19,90%;	39 25%;	59 25,10%;	64 32,16%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	31 3,07%	7 3,16%	3 1,92%	21 8,93%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm		221	156	235	199
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		221 100%	155 99,36%	5 97,87%	199 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	291	103	34	81	73
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	136			74	62

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	31	7	3	21	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	6		1	5	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		3/5	6/1	5/7	4/3
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		////	////	////	////
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	6	2	3	1	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					12
1	Cấp huyện					11
2	Cấp tỉnh/thành phố					01
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	////	////	////	////	////
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghệp	199				199
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghệp	199				199
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	73 36,68%				73 36,68%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	62 31,16%				62 31,16%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	64 32,16 %				64 32,16 %
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	////	////	////	////	////
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	811/379	221/103	156/82	235/108	199/86
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	09	02	05		02

Củ chi, ngày 31 tháng 8 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG